

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **210/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/5/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 188/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn N**, sinh ngày 10/8/1997. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản.

Người được anh N ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng và trình bày việc nuôi con chung, tài sản chung: chị **Vũ Thị C**, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh ngày 21/9/1998. Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Anh N, chị T, chị C đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, anh Bùi Văn N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/01/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2023 để cải thiện kinh tế gia đình, anh đi lao

động tại Nhật Bản, chị T ở nhà làm việc và chăm sóc con cái. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, đến cuối năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi An N1, sinh ngày 19/6/2022. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam anh ủy quyền cho bố mẹ anh là ông Bùi Văn Đ và bà Bùi Thị H thay anh chăm sóc cháu N1. Trong trường hợp chị T muốn được nuôi con thì anh cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Trần Thị T, trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Về thời điểm kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như anh N trình bày là đúng. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm. Anh N có đơn xin ly hôn chị nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi An N1, sinh ngày 19/6/2022, hiện đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người được anh N ủy quyền giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, tài sản chung, chị Vũ Thị C trình bày:* Chị đã thông báo cho anh N biết quan điểm của chị T về việc ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Anh N thống nhất để chị T nuôi con và sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (cho đến khi con đủ 18 tuổi).

Tại phiên tòa: Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; chị T, chị C có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn N được ly hôn chị Trần Thị T.

Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Bùi An N1, sinh ngày 19/6/2022 đến khi con chung trưởng thành. Anh N phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Bùi Văn N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Trần Thị T. Anh N hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản, chị T đang sinh sống tại Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa anh N, chị T, chị C đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N, chị T, chị C.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/01/2022 là hôn nhân hợp pháp. Tháng 01 năm 2023, anh N đi lao động tại nước ngoài, do vợ chồng mỗi người ở một nơi, không có sự tin tưởng nhau và bất đồng quan điểm nên xảy ra mâu thuẫn. Anh N và chị T đều xác định vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Anh N có đơn xin ly hôn chị T cũng nhất trí. Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị T đã trầm trọng, vợ chồng không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, xử cho anh N ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh N và chị T có 01 con chung là Bùi An N1, sinh ngày 19/6/2022. Chị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, thông qua người đại diện anh N có quan điểm nhất trí. Hội đồng xét xử, xét thấy: Cháu N1 còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi đang có cuộc sống ổn định cùng chị T. Do đó, chấp nhận sự thỏa thuận của anh N và chị T, giao cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1 cho đến khi trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T có quan điểm yêu cầu anh N

cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, anh N có quan điểm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì anh N không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên anh N và chị T không thỏa thuận được mức cấp dưỡng. Căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ. Anh N có nơi cư trú tại xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương là địa bàn thuộc vùng II có mức lương tối thiểu vùng theo quy định là 4.410.000 đồng/tháng. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh N phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng chị T là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp.

Anh Bùi Văn N được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Bùi Văn N được ly hôn anh chị Trần Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Bùi An N1, sinh ngày 19/6/2022, thời gian từ tháng 5/2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh Bùi Văn N có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Trần Thị T là 2.500.000 đồng/tháng thời gian từ tháng 5/2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Bùi Văn N được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh N chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án **số 0001793** ngày 18/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Anh Bùi Văn N còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung (anh N chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Bùi Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

